

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

PHAN NHƯ QUỲNH

**THIẾT KẾ HỆ THỐNG BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 8
NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP
NGÔN NGỮ CỦA HỌC SINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN, NĂM 2016

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHAN NHƯ QUỲNH

THIẾT KẾ HỆ THỐNG BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 8
NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP
NGÔN NGỮ CỦA HỌC SINH

Chuyên ngành: LL và PP dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt
Mã số: 60.14.01.11

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: GS. LÊ A

THÁI NGUYÊN, NĂM 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong luận văn này là trung thực và chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung luận văn của mình.

Thái Nguyên, tháng 5 năm 2016

Tác giả luận văn

PHAN NHƯ QUỲNH

LỜI CẢM ƠN

Trước hết tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới GS. Lê A, người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo tận tình cho tôi hướng nghiên cứu. Nhờ đó tôi mới có thể hoàn thành được công trình nghiên cứu của mình.

Tiếp theo tôi xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô trong khoa Ngữ văn trường ĐHSP Thái Nguyên đã trực tiếp giảng dạy tôi trong suốt quá trình học tập nghiên cứu. Xin cùng bày tỏ lòng biết ơn tới Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Thông tin thư viện trường ĐHSP, Đại học Thái Nguyên đã tạo điều kiện, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin được gửi lời cảm ơn đến BGH, các thầy cô trong tổ Văn của hai trường THCS Bắc Sơn và trường THCS Phúc Thuận đã tạo điều kiện tốt cho tôi đến thực nghiệm sư phạm để hoàn thành luận văn của mình.

Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè, những người đã quan tâm, động viên tôi trong quá trình thực hiện đề tài của mình.

Thái Nguyên, tháng 5 năm 2016

Tác giả luận văn

PHAN NHƯ QUỲNH

MỤC LỤC

Trang

Trang bìa phụ	
Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn	ii
Lời cảm ơn	ii
Mục lục	iii
Danh mục chữ cái viết tắt	iv
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
3. Lịch sử nghiên cứu	4
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	9
5. Các phương pháp nghiên cứu	10
6. Cấu trúc luận văn	11
7. Dự kiến đóng góp của luận văn	12
PHẦN NỘI DUNG	13
Chương 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC XÂY DỰNG VÀ HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI HỆ THỐNG BÀI TẬP	13
1.1. Cơ sở lý thuyết	13
1.1.1. Lý thuyết về bài tập	13
1.1.2. Quan điểm giao tiếp và sự thể hiện của nó trong bài tập.	16
1.2. Cơ sở thực tiễn	20
1.2.1. Khảo sát bài tập trong SGK, SBT Ngữ văn 8	20
1.2.2. Thực trạng dạy học phần Tiếng Việt trong Ngữ văn 8 – THCS	24
Chương 2. XÂY DỰNG VÀ HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI HỆ THỐNG BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 8 THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP	27
2.1. Thiết kế hệ thống bài tập Tiếng Việt 8 theo quan điểm giao tiếp	27

2.2. Nguyên tắc thiết kế bài tập Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp.....	28
2.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích hình thành và phát triển năng lực giao tiếp	28
2.2.2. Nguyên tắc phù hợp với trình độ của học sinh	29
2.2.3. Nguyên tắc hệ thống: Các bài tập phải được sắp xếp trên một cơ sở thống nhất, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.....	29
2.3. Hệ thống bài tập Tiếng Việt 8 theo quan điểm giao tiếp.....	31
2.3.1. Giới thiệu chung về hệ thống bài tập.....	31
2.3.2. Miêu tả hệ thống bài tập.....	32
2.3.3. Hướng dẫn sử dụng hệ thống bài tập	44
Chương 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.....	60
3.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm	60
3.2. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm	60
3.3. Nội dung và cách thức thực nghiệm	61
3.4. Kết quả và nhận xét đánh giá	76
3.4.1. Kết quả thực nghiệm.....	76
3.4.2. Nhận xét	78
PHẦN KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
HS	Học sinh
THCS	Trung học cơ sở
TV	Tiếng Việt
SBT	Sách bài tập
SGK	Sách giáo khoa
VD	Ví Dụ

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Bài tập là phương tiện chủ yếu trong quá trình dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông

Bài tập là một hệ thống thông tin xác định gồm hai tập hợp gắn bó chặt chẽ và tác động qua lại với nhau đó là: những điều kiện và những yêu cầu. Những điều kiện tức là tập hợp những dữ liệu xuất phát, diễn tả những trạng thái ban đầu của bài tập, từ đó tìm ra phép giải, theo ngôn ngữ thông dụng thì đó là “cái cho”; những yêu cầu là trạng thái mong muốn đạt tới, theo ngôn ngữ thông dụng thì đây là “cái phải tìm”.

Với định hướng dạy Tiếng Việt (TV) là dạy trong giao tiếp, bằng giao tiếp nhằm mục tiêu quan trọng nhất là củng cố và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh (HS), bài tập chiếm một vị trí vô cùng quan trọng: từ việc giới thiệu bài, hình thành kiến thức mới, đặc biệt là luyện tập, giáo viên (GV) đều sử dụng các kiểu loại bài tập khác nhau.

Như vậy, bài tập là một phương tiện chủ yếu trong quá trình dạy học TV ở trường phổ thông, nó vừa đảm bảo cho việc tiếp thu lí thuyết lại giúp các em hình thành những kĩ năng tương ứng.

1.2. Bài tập Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp bảo đảm cho quan điểm giao tiếp được triển khai đạt hiệu quả

Dạy học ngôn ngữ theo quan điểm giao tiếp là một xu hướng hiện đại được rất nhiều nước thực hiện và đạt được nhiều thành tựu không thể phủ nhận. Tuy nhiên việc dạy học ở ta còn nặng về dạy học kiến thức ngôn ngữ, quá tải với cả thầy và trò. Người ta đã sai lầm khi cho rằng sản phẩm của giáo dục là những khái niệm, tri thức và sản phẩm của TV là hệ thống các khái niệm. Từ đó dẫn đến có một lớp người hiểu được TV nhưng không thể sử dụng thành thạo nó trong giao tiếp. Tác giả Lê A trong bài viết “Dạy Tiếng Việt là dạy một

hoạt động và bằng hoạt động” cho rằng: “Quá trình dạy học TV cho học sinh (HS) cần tổ chức các hoạt động và nổi bật là dùng hoạt động ngôn ngữ để giao tiếp” [3, tr62]. Theo quan điểm ấy ta xác định được nội dung dạy học TV là dạy giao tiếp, đích hướng tới là giao tiếp và phương pháp hướng tới cho học sinh là hoạt động thông qua giao tiếp. Lí luận dạy học hiện đại quan tâm đến năng lực của người học. Hiện nay trong công cuộc đổi mới toàn diện trong đó có đổi mới mục tiêu môn học chương trình hướng vào năng lực. Điều đó có nghĩa là xem học sinh phù hợp với năng lực nào, năng lực nào phù hợp với thực tế xã hội đòi hỏi, trong đó xem năng lực nào là cần thiết, cốt lõi thì hình thành. Năng lực hoạt động giao tiếp trở thành năng lực cơ bản trong dạy học môn TV. Lịch sử hình thành và phát triển con người đều gắn với ngôn ngữ đặc biệt là trong các hoạt động mang tính chất cộng đồng. Giao tiếp ở khắp mọi nơi, phổ biến rộng rãi vì vậy mà nó trở thành thứ quan trọng thiết yếu với mọi người nói chung và với HS nói riêng. Dạy học TV theo quan điểm giao tiếp gợi ý xác định nội dung cơ bản của phân môn TV ở nhà trường phổ thông là hình thành năng lực giao tiếp và nội dung chương trình là hoạt động giao tiếp: nghe – nói – đọc – viết của HS. Chương trình hướng đến chuẩn bốn kĩ năng đồng thời cũng trang bị cho HS những kiến thức về TV. Ngoài ra phải dạy cho HS những quy tắc giao tiếp, ở đây không đơn thuần là quy tắc ngôn ngữ học mà là những quy tắc tổng hợp phù hợp với các nhân tố giao tiếp tức là dạy HS những quy tắc xử lí thông tin trong giao tiếp. Từ xa xưa Lão Tử đã dạy rằng: “Cái gì ta nghe ta quên, cái gì ta thấy ta nhớ, cái gì ta làm ta biết”. Trải qua nhiều lần nhận định và đổi mới giáo dục, trong Nghị quyết 29/NQ – TW ngày 4/11/2013 tại Hội nghị lần thứ 8 khóa XI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam *Về Đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế* cũng đã khẳng định quan điểm chỉ đạo: “*Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển*

toàn diện năng lực và phẩm chất người học” [35, tr.3]. Lí luận dạy học hiện đại cũng cho rằng “năng lực” không thể hình thành do học tập mà phải qua rèn luyện. Hay nói một cách khác đi là người ta đã bắt đầu quan tâm tới hệ thống bài tập để qua đó phát huy năng lực, bồi dưỡng phẩm chất có sẵn của học sinh. Ta cũng thấy rõ rằng học sinh sẽ nắm vững kiến thức hơn thông qua làm bài tập, đặc biệt đối với TV ta đưa các em vào những tình huống giao tiếp cụ thể thì kĩ năng sử dụng TV của các em sẽ được hình thành rất nhanh chóng. Như vậy, vai trò của bài tập trong dạy học là rất quan trọng, cần thiết và nó đảm bảo cho quan điểm giao tiếp được triển khai có hiệu quả.

1.3. Việc xây dựng và triển khai hệ thống bài tập hiện nay chưa thực sự dựa trên quan điểm giao tiếp và mang lại hiệu quả.

Qua tìm hiểu chúng tôi thấy rằng hầu hết các bài tập trong Sách giáo khoa (SGK), Sách bài tập (SBT) vẫn dừng lại ở dạng bài tập nhận diện lí thuyết không phát huy được sự tích cực, sáng tạo và hứng thú cho HS. Hệ thống bài tập như SGK và SBT thiết kế chỉ mô phỏng kiến thức lí thuyết mà không thực hiện được mục tiêu dạy học TV trong nhà trường. Trong quá trình dạy học, quan điểm giao tiếp phải được thấm nhuần trong các khâu từ việc chuẩn bị bài, việc dạy lí thuyết và hướng dẫn HS thực hành luyện tập. Đồng thời quan điểm giao tiếp cũng chi phối trực tiếp từ mục tiêu, nội dung, phương pháp và khâu kiểm tra đánh giá kết quả học tập TV của HS. Thực tế cho thấy những nội dung vừa trình bày chưa có sự hiện diện trong hệ thống bài tập TV 8, GV chỉ chú ý dạy lí thuyết, hệ thống bài tập cũng được tuyệt đối triển khai giống như trong SGK mà không có sự bổ sung, sáng tạo và linh hoạt. Phương pháp giao tiếp không được phát huy tác dụng trong khi GV hướng dẫn HS thực hành luyện tập, các em không được trải nghiệm những tình huống giao tiếp cụ thể, gần gũi trong cuộc sống cho nên giờ học chưa đạt được mục tiêu quy chuẩn của giờ học. Dạy học TV theo quan điểm giao tiếp GV phải đưa HS của mình vào các tình huống hoạt động cụ thể, gắn với thực tiễn thông qua các bài tập thực hành